

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM

MST: 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Số: 5a /2025/CV-LHC

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế năm 2024 so với cùng kỳ năm trước.

Tp.HCM, ngày 24 ... tháng 02 ... năm 2025.

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2024 của công ty được nêu trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024;

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2024:

CHỈ TIÊU	Năm		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	2024	2023		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.557.357.678	639.117.273	918.240.405	144%
Chi phí hoạt động kinh doanh		50.435.000	-50.435.000	-100%
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.557.357.678	588.682.273	968.675.405	165%
Doanh thu hoạt động tài chính	10.084.336.903	8.754.959.107	1.329.377.796	15%
Chi phí tài chính	85.705.367	68.780.055	16.925.312	25%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.962.743.683	7.774.033.525	2.188.710.158	28%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.593.245.531	1.500.827.800	92.417.731	6%
Lợi nhuận khác	1.738.284	52.065.144	-50.326.860	-97%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.594.983.815	1.552.892.944	42.090.871	3%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	330.221.529	328.036.448	2.185.081	1%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.264.762.286	1.224.856.496	39.905.790	3%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong năm 2024 phát sinh tăng hơn 918 triệu so với cùng kỳ năm ngoái. Lý do năm 2024 Công ty tăng thu phí từ nghiệp vụ Quản lý Quỹ và Quản lý danh mục đầu tư của khách hàng.
- Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện trong năm 2024 tăng hơn 1,3 tỷ (tương đương 15%) so với cùng kỳ năm trước do thị trường chứng khoán năm 2024 thuận lợi so với năm 2023 dẫn đến Công ty gia tăng thực hiện giao dịch đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ.

- Chi phí tài chính thực hiện trong năm 2024 tăng gần 17 triệu (tương đương 25%) so với cùng kỳ năm trước. Lý do năm 2024 Công ty tích cực bán các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn có tỷ suất sinh lời cao hơn so với năm 2023.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong năm 2024 tăng gần 2,2 tỷ (tương đương 28%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân do Công ty tăng thêm nhân sự phục vụ cho nghiệp vụ quản lý Quỹ đầu tư và Quản lý danh mục đầu tư;

Vì các nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng gần 40 triệu (tương đương 3%) so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse, xin báo cáo để Ủy Ban Chứng Khoán được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Đình Quang

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 +120+130+140+150)	100		36.798.222.335	36.910.061.507
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	6.505.251.491	1.608.748.565
1. Tiền	111		6.505.251.491	1.608.748.565
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	29.588.993.947	35.113.846.586
1. Đầu tư ngắn hạn	121		29.588.993.947	35.113.846.586
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	592.737.584	52.724.748
1. Phải thu khách hàng	131		80.250.000	
2. Trả trước cho người bán	132		10.000.000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		498.447.054	52.724.748
5. Các khoản phải thu khác	135		4.040.530	
6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.239.313	134.741.608
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		111.239.313	125.741.608
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	9.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+250+260)	200		3.306.078.871	1.826.584.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	
II. Tài sản cố định	220	V.04	1.098.661.180	1.349.665.401
1. Tài sản cố định hữu hình	221		89.228.477	148.777.757
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(208.518.023)	(148.968.743)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	
3. Tài sản cố định vô hình	227		1.009.432.703	1.200.887.644
- Nguyên giá	228		1.764.500.000	1.618.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(755.067.297)	(417.612.356)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		40.000.000	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.05	2.167.417.691	476.919.521
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		79.797.691	289.299.521
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.087.620.000	187.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.104.301.206	38.736.646.429

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/24	01/01/24
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		780.299.200	581.921.059
I. Nợ ngắn hạn	310		780.299.200	581.921.059
1. Vay ngắn hạn	311		-	
2. Phải trả người bán	312	V.06	-	48.802
3. Người mua trả tiền trước	313		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	266.373.844	260.318.380
5. Phải trả người lao động	315	V.08	406.503.466	176.160.000
6. Chi phí phải trả	316		36.763.818	80.505.335
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	23.869.856	18.100.325
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.788.216	46.788.217
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VII	39.324.002.006	38.154.725.370
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	412			
3. Quỹ dự phòng tài chính	413			
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	414		4.190.995.890	3.021.719.254

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	415		133.006.116	133.006.116
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.104.301.206	38.736.646.429

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

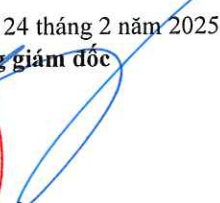
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/24	01/01/24
I	2	3	4	5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2		-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	V.02	50.362.370.400	50.749.332.900
Trong đó:			0	0
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		50.362.370.400	50.749.332.900
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		28.350.000.000	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.10	28.350.000.000	-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			-
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.11	243.265.587	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025
Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG


Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse

Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM

MST: 0304772590

Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày
05/09/2011 của Bộ Tài Chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1	2	3	4	5
1. Doanh thu	01	VI.1	1.557.357.678	639.117.273
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		1.557.357.678	639.117.273
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2		50.435.000
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		1.557.357.678	588.682.273
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	10.084.336.903	8.754.959.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	85.705.367	68.780.055
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.962.743.683	7.774.033.525
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		1.593.245.531	1.500.827.800
10. Thu nhập khác	31	VI.6	13.580.236	339.981.011
11. Chi phí khác	32	VI.7	11.841.952	287.915.867
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.738.284	52.065.144
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.594.983.815	1.552.892.944
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	330.221.529	328.036.448
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.264.762.286	1.224.856.496
18. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		-	-

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập

BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ



Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P.Võ Thị Sáu, Q.3, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B03 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125 /2011 /TT-BTC
ngày 05 /09/ 2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(2.837.417.431)	(2.981.048.019)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.754.307.374)	(3.243.282.171)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(405.386.942)	(272.900.715)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.622.914.701	1.965.162.665
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(4.057.032.764)	(2.001.361.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.431.229.810)	(6.533.429.528)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(186.000.000)	(234.681.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			52.095.144
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.582.310.000)	(36.498.800.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.090.710.000	33.493.915.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.332.736	4.194.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.327.732.736	-3.183.276.729
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.896.502.926	283.293.743
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.608.748.565	1.325.454.822
				0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		6.505.251.491	1.608.748.565

Người lập



BÙI THUÝ HOÀ

Kế toán trưởng



BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023		Năm 2024		Năm 2023	Năm 2024
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	35.000.000.000	10.000.000.000				35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ (*)								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
7. Quỹ đầu tư phát triển								
8. Quỹ dự phòng tài chính								
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116					133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	1.833.862.345	3.021.719.254	1.224.856.496	(36.999.587)	1.264.762.286	(95.485.650)	3.021.719.254	4.190.995.890
TỔNG CỘNG	26.966.868.461	38.154.725.370	11.224.856.496	(36.999.587)	1.264.762.286	(95.485.650)	38.154.725.370	39.324.002.006

Người lập

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025

Tổng giám đốc



BÙI THUYẾT HOÀ

BÙI THUYẾT HOÀ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UCK ngày 14/09/2023 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE**
Tên tiếng Anh : Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính : Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, p.Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.
Vốn điều lệ : 35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng.)
Nghịệp vụ kinh doanh : + Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
+ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
+ Tư vấn đầu Tư chứng khoán
Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Tổng số công nhân viên 19 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024 doanh thu chủ yếu là lãi đầu tư tài chính (lãi từ việc đầu tư chứng khoán) và doanh thu từ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán LHBF, LHCDF.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.
- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

5 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 - Các quỹ dự trữ bắt buộc.

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hủy trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ theo thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

10 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- **Các khoản mục không có số dư:** Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

- **Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh:** Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Đvt: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/24	01/01/24
a. Tiền	6.505.251.491	1.608.748.565
- Tiền mặt	150.072.336	84.120.009
- Tiền gửi ngân hàng	500.723.621	243.090.890
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN	495.342.715	238.687.772
+ Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi	5.380.906	4.403.118
- Tiền tại công ty chứng khoán	5.854.455.534	1.281.537.666
+ Chứng khoán Bảo Minh - TK086C898680	5.854.455.534	1.281.537.666
b. Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	6.505.251.491	1.608.748.565

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

a. Chứng khoán kinh doanh

- Cổ phiếu

Mã BMS

Mã DBD

Mã DCF

Mã NAB

Mã RYG

- Trái phiếu

- Chứng khoán khác

b. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

c. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn

Cộng

	31/12/24		01/01/24	
	Số lượng	Nguyên giá	Số lượng	Nguyên giá
	2.399.312	29.588.993.947	2.840.277	35.113.846.586
	59	-	54	-
	173.937	7.334.374.905	154.350	8.135.545.000
	129.600	6.297.991.942	85.700	4.407.790.000
	1.985.716	14.361.627.100	2.600.173	22.570.511.586
	110.000	1.595.000.000	-	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-
	-	-	-	-
Cộng	2.399.312	29.588.993.947	2.840.277	35.113.846.586

b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

+ Cổ phiếu

Cộng

	31/12/2024	Phát sinh giảm	Phát sinh tăng	01/01/2024
	29.588.993.947	11.107.162.639	5.582.310.000	35.113.846.586
	29.588.993.947	11.107.162.639	5.582.310.000	35.113.846.586
Cộng	29.588.993.947	11.107.162.639	5.582.310.000	35.113.846.586

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Phải thu khách hàng

a. Phải thu khách hàng

- Cổ tức chờ về bằng tiền

- Thu tiền bán chứng khoán

b. Trả trước cho người bán

- Công Ty TNHH Công nghệ Truyền thông Cảnh Cam

b. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

- Quỹ LHB

- Quỹ LHCF

- Quản lý danh mục đầu tư

c. Các khoản phải thu khác

- Phải thu quỹ mở LHB

- Phải thu quỹ mở LHCF

- Khác

Cộng

	31/12/24	01/01/24
	-	-
	80.250.000	-
	80.250.000	-
	10.000.000	-
	10.000.000	-
	498.447.054	52.724.748
	105.196.531	52.724.748
	151.938.576	-
	241.311.947	-
	4.040.530	-
	1.854.104	-
	2.186.426	-
	-	-
Cộng	592.737.584	52.724.748

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

4. Tăng, giảm tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Máy móc, thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	01/01/24	155.870.000	141.876.500		297.746.500
Mua sắm mới					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối kỳ	31/12/24	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	01/01/24	89.144.160	59.824.583		148.968.743
Khấu hao trong kỳ		31.173.984	28.375.296		59.549.280
Giảm trong kỳ		-	-		-
Số dư cuối kỳ	31/12/24	120.318.144	88.199.879	-	208.518.023
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày	01/01/24	66.725.840	82.051.917	-	148.777.757
2. Tại ngày	31/12/24	35.551.856	53.676.621	-	89.228.477

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	01/01/24	570.000.000	1.048.500.000	1.618.500.000
Mua sắm mới		96.000.000	50.000.000	146.000.000
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
Số dư cuối kỳ	31/12/24	666.000.000	1.098.500.000	1.764.500.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	01/01/24	219.311.821	198.300.535	417.612.356
Khấu hao trong kỳ		119.866.667	217.588.274	337.454.941
Giảm trong kỳ		-	-	-
Số dư cuối kỳ	31/12/24	339.178.488	415.888.809	755.067.297
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày	01/01/24	350.688.179	850.199.465	1.200.887.644
2. Tại ngày	31/12/24	326.821.512	682.611.191	1.009.432.703

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

5. Tài sản dài hạn khác

a. Chi phí trả trước dài hạn

- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng
- Chi phí trả trước sửa chữa văn phòng
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT
- Chi phí trả trước bộ nhận diện thương hiệu Lighthouse
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital.Com.Vn & .Vn
- Chi phí trả trước khác

b. Tài sản dài hạn khác: (Đặt cọc thuê văn phòng)

- Cọc vỏ bình nước
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng
- Cty TNHH TM và tiếp vận đại dương xanh - Đặt cọc tiền thuê xe

Cộng

6. Phải trả người bán

- CT TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT

Cộng

7. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước

- Thuế giá trị gia tăng
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

Cộng

8. Phải trả người lao động

- Lương tháng 14+15/2024

Cộng

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn
- Khác

Cộng

10. Nhà đầu tư ủy thác trong nước:

Cổ phiếu đăng ký giao dịch:

- Số lượng
- Giá trị thị trường

	31/12/24	01/01/24
5. Tài sản dài hạn khác		
a. Chi phí trả trước dài hạn	79.797.691	289.299.521
- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng	44.739.028	128.021.843
- Chi phí trả trước sửa chữa văn phòng	-	151.980.774
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT	16.325.332	7.320.000
- Chi phí trả trước bộ nhận diện thương hiệu Lighthouse	-	1.888.904
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital.Com.Vn & .Vn	1.666.663	88.000
- Chi phí trả trước khác	17.066.668	-
b. Tài sản dài hạn khác: (Đặt cọc thuê văn phòng)	2.087.620.000	187.620.000
- Cọc vỏ bình nước	420.000	420.000
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng	187.200.000	187.200.000
- Cty TNHH TM và tiếp vận đại dương xanh - Đặt cọc tiền thuê xe	1.900.000.000	-
Cộng	2.167.417.691	476.919.521
6. Phải trả người bán	31/12/24	01/01/24
- CT TNHH MTV viễn thông quốc tế FPT	-	48.802
Cộng	-	48.802
7. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	31/12/24	01/01/24
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.998.554	209.163.967
- Thuế thu nhập cá nhân	132.375.290	51.154.413
Cộng	266.373.844	260.318.380
8. Phải trả người lao động	31/12/24	01/01/24
- Lương tháng 14+15/2024	406.503.466	176.160.000
Cộng	406.503.466	176.160.000
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/24	01/01/24
- Kinh phí công đoàn	18.869.856	13.100.325
- Khác	5.000.000	5.000.000
Cộng	23.869.856	18.100.325
10. Nhà đầu tư ủy thác trong nước:	31/12/24	01/01/24
Cổ phiếu đăng ký giao dịch:		
- Số lượng	1.890.000	-
- Giá trị thị trường	28.350.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

11. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

- Phí quản lý danh mục
- Phí lưu ký của ngân hàng

Cộng

31/12/24	01/01/24
241.311.947	-
1.953.640	-
243.265.587	-
-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu hoạt động kinh doanh

- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư
- Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
241.311.947	-
1.316.045.731	639.117.273
1.557.357.678	639.117.273
-	-

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

- CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
-	50.435.000
-	50.435.000
-	-

3. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi từ hoạt động đầu tư
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
10.079.015.515	8.750.764.162
5.321.388	4.194.945
10.084.336.903	8.754.959.107
-	-

4. Chi phí tài chính

- Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán
- Dự phòng giảm giá đầu tư
- Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
15.218.154	-
-	-
70.487.213	68.780.055
85.705.367	68.780.055
-	-

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí thuê văn phòng
- Chi phí vật liệu
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ
- Chi phí công tác
- Chi phí thuế, phí, lệ phí
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
6.232.297.627	4.326.306.633
397.004.221	420.511.658
978.706.315	891.960.930
7.070.000	-
293.669.180	412.232.329
-	25.701.016
257.234.468	228.691.061
1.260.434.286	826.465.682
536.327.586	642.164.216
9.962.743.683	7.774.033.525
-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ông Hồ Hoàng Lâm
- Cổ đông khác

Cộng

Năm 2024	Năm 2023
14.077.000.000	14.077.000.000
20.923.000.000	20.923.000.000
35.000.000.000	35.000.000.000

b. Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
 - Cổ phiếu phổ thông
 - Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

Năm 2024	Năm 2023
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-
-	-
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-

Người lập

Kế toán trưởng

BÙI THUÝ HOÀ

BÙI THUÝ HOÀ

TP.HCM, ngày 24 tháng 2 năm 2025
Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG